

KHI PHƯƠNG TÂY ÁI MỘ PHƯƠNG ĐÔNG: THƠ LÝ BẠCH TRONG TÂM TƯ NGƯỜI ÂU-MỸ

Đàm Trung Pháp

LỜI PHI LỘ:

Vì một lý do thực tế, những đoạn trích dẫn thơ Lý Bạch trong bài viết này sẽ được ghi theo lối phát âm Hán Việt quen thuộc của chúng ta bên cạnh các chữ Hán phần thể, thay vì bằng phương thức “pinyin” (“phanh âm”) để ghi âm quan thoại. Đây cũng là một điều lợi, vì lối phát âm Hán Việt vốn gần gũi với lối phát âm chữ Hán đời nhà Đường. Để thêm hứng thú cho độc giả, xen kẽ vào giữa các bài hoặc đoạn thơ trích dẫn của Lý Bạch và phần chuyển sang tiếng Anh là những bài hoặc đoạn chuyển sang tiếng Việt của các dịch giả tài ba. (Người Âu-Mỹ thường chỉ đọc thơ Trung Quốc qua các bản dịch sang ngôn ngữ của họ). Tác giả xin thăm tạ Giáo sư Lê Văn Đặng đã có nhã ý giúp phần ghi chữ Hán vào bài viết này.

Trong số các thi hào Trung Quốc, có lẽ Lý Bạch 李白 (701-762) đời nhà Đường là người được các dịch giả Anh-Mỹ chiếu cố đến nhiều nhất. Lý do chính của sự thiên tư này rất có thể là vì thơ họ Lý không mang nặng bản chất uyên bác với nhiều điển tích lòng thông phức tạp. Thực vậy, “giản dị” và “dễ cảm thông” là hai đặc trưng nổi bật nhất trong thơ Lý Bạch, theo nhận định của giáo sư James Hargett, hiện dạy văn chương Á châu tại State University of New York . Trong bài “The Poetry of Li Bo” trong cuốn GREAT LITERATURE OF THE EASTERN WORLD (Ian McGreal hiệu đính, Harper Collins xuất bản năm 1996), Hargett trích bài tuyệt cú “Tĩnh Dạ Tư 靜夜思”, do Arthur Cooper bên Anh Quốc chuyển ngữ năm 1973, để chứng minh nhận định ấy:

Sàng tiền khán nguyệt quang,	床前看月光
Nghi thị địa thượng sương.	疑是地上霜
Cử đầu vọng minh nguyệt,	舉頭望明月
Đê đầu tư cố hương.	低頭思故鄉

Đầu giường chợt thấy bóng trăng,
Mập mờ trên đất, ngỡ rằng sương sa.
Ngẩng đầu trông vẻ gương nga,
Cúi đầu luống những nhớ nhà bản khoã.
(Dịch giả Trần Trọng Kim)

*Before my bed there is bright moonlight
So that it seems like frost on the ground:
Lifting my head I watch the bright moon,
Lowering my head I dream that I'm home.*

Hai đặc trưng dễ mến ấy cộng thêm những ý niệm cận kề với con tim nhân loại (như khi cô đơn, ta hiểu thế nào là yên tĩnh; đôi khi ta ân hận đã xa nhà và những người thân yêu; và thế giới đổi thay, tiền tài danh vọng có nghĩa gì đâu, tại sao không tận hưởng ngày xuân nhỉ) đã khiến Hargett và nhiều người khác bên trời Âu-Mỹ mến mộ thơ Lý Bạch. Giáo sư Stephen Owen hiện dạy văn chương Trung Quốc tại Harvard và đã dịch nhiều thơ Tầu sang Anh ngữ rất chuộng bài “Tương Tiến Tửu 將進酒” của họ Lý mà trong đó luận đề “carpe diem” (tương đương với “xuân bất tái lai”) vốn không xa lạ gì với người phương tây, được ngợi ca tuyệt vời. Trong một tuyển tập đồ sộ các tuyệt tác phẩm văn học hoàn cầu đang được dùng trong nhiều đại học Hoa Kỳ mang danh THE NORTON ANTHOLOGY OF WORLD MASTERPIECES (Volume I, do Maynard Mack hiệu đính, Norton xuất bản năm 1995), Owen đã dịch đoạn đầu của bài thơ theo thể nhạc phủ hào phóng và tráng lệ ấy (“Bring in the Wine”) như sau:

Quân bất kiến	君不見
Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai,	黃河之水天上來
Bôn lưu đáo hải bất phục hồi.	奔流到海不復回
Quân bất kiến	君不見
Cao đường minh kính bi bạch phát,	高堂明鏡悲白髮
Triều như thanh ty mộ thành tuyết.	朝如青絲暮成雪
Nhân sinh đắc ý tu tận hoan,	人生得意須盡歡
Mạc sử kim tôn không đối nguyệt	莫使金樽空對月

Thấy chẳng ai:

Nước sông Hoàng xuống tự trời kia,
Chảy mau ra biển, chẳng quay về.

Thấy chẳng ai:

Gương sáng nhà cao, thương tóc bạc,
Sớm tựa tơ xanh, chiều thành tuyết.

Ở đời đắc ý cứ vui chơi,
Chớ để chén vàng trở dưới nguyệt ...

(Dịch giả Trần Trọng San)

Look there !

*The waters of the Yellow River,
coming down from Heaven,
rush in their flow to the sea,*

*never turn back again.
Look there !
Bright in the mirrors of mighty halls
a grieving for white hair,
this morning blue-black strands of silk,
now turned to snow with evening.
For satisfaction in this life
taste pleasure to the limit,
And never let a goblet of gold
face the bright moon empty*

Một bài nhạc phủ nữa rất được phương tây ngợi ca là bài “Thục Đạo Nan 蜀道難” trong đó Lý Bạch dùng ngôn từ khuếch đại và giọng văn khẩn trương để dựng lên một cảnh trí cực kỳ sinh động khiến người đọc phải choáng váng, theo nhận định của Hargett. Quả thực, trong cảnh trí ấy – với những con đường cheo leo nguy hiểm chỉ có chim mới bay qua nổi, đất lở, núi sụp, thác chảy, ban mai phải lánh cạp dử, buổi chiều phải tránh rắn dài – người đọc không thể không đồng ý với thi bá họ Lý rằng:

噫吁戲危乎高哉
蜀道之難難於上青天

Y hu hy, nguy hô, cao tai,
Thục đạo chi nan, nan ư thượng thanh thiên !

Nay xét lại cho kỹ, Lý Bạch chẳng ngoa chút nào, vì con đường từ Trường An (Changan) kinh đô văn vật đời Đường, nay gọi Tây An (Xian) thuộc tỉnh Thiểm Tây (Shaanxi), sang đất Thục nay là tỉnh Tứ Xuyên (Sichuan), phải vượt dãy núi Tần Lĩnh (Qinling) hiểm trở. Ngày nay muốn vào thủ phủ của Tứ Xuyên là Thành Đô (Chengdu), du khách phải vượt đoạn đường chông gai dài hơn 400 dặm với trên 300 đường hầm xuyên núi và gần 1000 cây cầu cheo leo ! Cô ký giả Shirley Sun trong cuốn JOURNEY INTO CHINA (do National Geographic Society xuất bản năm 1982) đã dịch dùm du khách tây phương hai câu thơ lấy lưng nêu trên của Lý Bạch như thế này:

*Eheu ! How dangerous, how high !
It would be easier to climb to Heaven
Than walk the Sichuan Road !*

Kể từ khi dịch giả Arthur Waley cho ra đời cuốn sách ONE HUNDRED AND SEVENTY CHINESE POEMS vào năm 1918 tại Luân Đôn, phương tây bắt đầu chú ý đến những đại danh như Lý Bạch 李白, Đỗ Phủ 杜甫, Mạnh Hạo Nhiên 孟浩然, Bạch Cư Dị 白居易. Những bài thơ dịch xuất sắc của Waley đã ảnh hưởng đến một

số thi nhân Âu-Mỹ, nhất là hai tên tuổi lớn William Butler Yeats và Ezra Pound. Gần đây hơn, năm 1987, dịch giả Greg Whincup người Gia Nã Đại đã cho ra mắt cuốn THE HEART OF CHINESE POETRY (nhà xuất bản Anchor Books), trong đó có 10 bài thơ Lý Bạch. Trong lời nói đầu của cuốn sách chứa đựng 57 bài thơ dịch, Whincup thiết tha tâm sự : “Thi ca được coi là nữ hoàng của nghệ thuật cổ truyền Trung Hoa, và những thi nhân tài hoa nhất mọi thời đại đều vang rền tên tuổi. Vì chúng ta là thành phần của cùng một nhân loại, văn hóa Trung Hoa cũng là văn hóa chúng ta. Trái tim thi ca Trung Hoa cũng đập trong lòng chúng ta nữa”

Người phương tây muốn học chữ Hán qua thi ca chắc chắn sẽ hài lòng với cuốn sách của Whincup. Ngoài các bài dịch sang Anh ngữ rất chính, cuốn sách còn cho các bài thơ ấy hiện lên bằng chữ Hán phần thể, cộng với lối phát âm quan thoại (theo ký hiệu phiên âm của Đại học Yale), và nhất là những lời chú giải khá hấp dẫn của dịch giả. Mười bài thơ họ Lý được Whincup cho vào tuyển tập là các bài “Sơn Trung Vấn Đáp 山中問答”, “Tống Hữu Nhân 送友人”, “Tặng Mạnh Hạo Nhiên 贈孟浩然”, “Tống Mạnh Hạo Nhiên Chi Quảng Lăng 送孟浩然之廣陵”, “Hoành Giang Từ 橫江詞”, “Tự Khiển 自遣”, “Tảo Phát Bạch Đế Thành 早發白帝城”, “Xuân Tư 春思”, “Ngọc Giai Oán 玉階怨”, và “Thính Thục Tăng Tuấn Đàn Cầm 聽蜀僧濬彈琴”.

Theo Whincup, Lý Bạch là người tài hoa trác tuyệt nhất trong các thi nhân Trung Quốc, có thể ví như một thần linh, một động lực của thiên nhiên không chấp nhận một bó buộc nào của nhân sinh mà chỉ thích làm thơ, uống rượu, vui với trăng sao và bè bạn. Whincup đã khéo lựa những bài tuyệt tác của Lý Bạch để minh chứng cho nhận định của mình về thi ca vị thần thơ ấy. Dưới con mắt Whincup, bài ngũ ngôn bát cú “Tống Hữu Nhân 送友人” thực kiệt xuất về cả hình thức lẫn nội dung:

Thanh sơn hoành bắc quách,	青山橫北郭
Bạch thủy nhiễu đông thành.	白水遶東城
Thử địa nhất vi biệt,	此地一為別
Cô bông vạn lý chinh.	孤蓬萬里征
Phù vân du tử ý;	浮雲游子意
Lạc nhật cố nhân tình.	落日故人情
Huy thủ tự tư khứ,	揮手自茲去
Tiêu tiêu ban mã minh.	蕭蕭班馬鳴

Núi ngang ải bắc xanh xanh,
 Một dòng sông trắng lượn quanh đông thành.
 Nơi đây cất bước viễn hành,

Cỏ bông muôn dặm một mình xa xôi.
Ý du tử: đám mây trôi;
Tình cố nhân: ánh nắng chiều vấn vương.
Vẫy tay từ đây lên đường,
Tiếng con ngựa hí đau thương lừa đàn.
(Dịch giả Trần Trọng San)

*Green mountains
Lie across the northern outskirts
Of the city.
White water
Winds around the eastern
City wall.
Once we make our parting
Here in this place,
Like a solitary tumbleweed
You will go
Ten thousand miles.
Floating clouds
Are the thoughts of the wanderer.
Setting sun
Is the mood of his old friend.
With a wave of the hand
Now you go from here.
Your horse gives a whinny
As it departs.*

Yếu tố cân đối song hành (parallelism), vốn hiếm thấy trong thi ca tây phương, làm cho bài thơ rực sáng, chẳng hạn mỗi chữ trong câu 1 có một chữ đối ứng hoàn mỹ trong câu 2:

Thanh 青 (Green) // Bạch 白 (White)
Sơn 山 (Mountains) // Thủy 水 (Water)
Hoành 橫 (Lie across) // Nhiễu 遶 (Winds around)
Bắc 北 (Northern) // Đông 東 (Eastern)
Quách 郭 (Outskirts) // Thành 城 (City wall)

Những hình ảnh chất ngất cảm xúc đối ứng nhau trong câu 5 và 6 (Phù vân 浮雲 // Lạc nhật 落日) chính là trái tim của bài thơ, và hai câu chót dẫn người đọc chơi với đến phút chia tay.

Giáo sư Stephen Owen trong cuốn sách AN ANTHOLOGY OF CHINESE LITERATURE: BEGINNING TO 1911 (do chính ông hiệu đính và dịch thuật, Norton xuất bản năm 1996) đã nhận định Lý Bạch như “một nghệ sĩ với những cử chỉ và khoa trương lớn hơn cả đời sống” (a performer whose gestures and claims were larger than life). Những nền văn minh lớn thường được xây dựng trên sự tiết chế của người dân, và do đó, như thể để được đền bù, họ dễ bị thu hút bởi những bậc tài danh đứng ngoài vòng kiểm tỏa của quy ước xã hội. Theo Owen, cái cử chỉ “đứng ngoài vòng” rất ngông ấy của họ Lý, phản ánh trong thơ như một chân dung tự họa, đã khiến thơ Lý Bạch càng thêm hấp dẫn. Điển hình là bài “Nguyệt Hạ Độc Chước月下獨酌” (“Drinking Alone by Moonlight”) mà Owen chuyển ngữ dưới đây:

Hoa gian nhất hồ tửu,	花間一壺酒
Độc chước vô tương thân.	獨酌無相親
Cử bôi yêu minh nguyệt,	舉杯邀明月
Đối ảnh thành tam nhân.	對影成三人
Nguyệt ký bất giải ẩm,	月既不解飲
Ảnh đồ tùy ngã thân.	影徒隨我身
Tạm bạn nguyệt tương ảnh,	暫伴月將影
Hành lạc tu cập xuân.	行樂須及春
Ngã ca nguyệt bồi hồi,	我歌月徘徊
Ngã vũ ảnh linh loạn.	我舞影零亂
Tỉnh thời đồng giao hoan,	醒時同交歡
Túy hậu các phân tán.	醉後各分散
Vĩnh kết vô tình du,	永結無情遊
Tương kỳ mạc Vân Hán.	相期邈雲漢

Trong hoa rượu ngọt một bầu,
 Một mình chước chén có đâu bạn bè.
 Mời trăng cất chén kè nè,
 Thân ta, bóng ấy, trăng kia, ba người.
 Trăng thì tiếp rượu không nguôi,
 Bóng ta theo mãi không rời thân ta.
 Bạn cùng trăng bóng vẫn vợ,
 Vui chơi khuây khỏa để chờ ngày xuân.
 Ta ca trăng cũng bán khoản,
 Khi ta nhảy múa, bóng lặn lộn hoài.
 Cùng nhau khi tỉnh vui cười,
 Say rồi nghiêng ngửa, mọi nơi rạc rời.
 Vô tình giao kết chơi bởi,
 Hẹn nhau ở chỗ xa khơi cõi trời.
 (Dịch giả Trần Trọng Kim)

*Here among flowers one flask of wine,
with no close friends, I pour it alone.
I lift cup to bright moon, beg its company,
then facing my shadow, we became three.
The moon has never known how to drink;
my shadow does nothing but follow me.
But with moon and shadow as companions the while,
this joy I find must catch spring while it's here.
I sing, and the moon just lingers on;
I dance, and my shadow flails wildly.
When still sober we share friendship and pleasure,
then, utterly drunk, each goes his own way –
Let us join to roam beyond human cares
and plan to meet far in the river of stars.*

Và rồi sau cùng, cả đến cái chết ôm trăng của Lý Trích Tiên, tuy huyền hoặc, nhưng cũng nên thơ làm sao trong tâm tư người phương tây ! Quả vậy, theo lời giáo sư James Hargett, một Lý Bạch lịch sử và một Lý Bạch huyền sử sẽ muôn đời là một, và điều này chỉ làm gia tăng mức hấp dẫn cho vị thi thánh ấy mà thôi.

ĐÀM TRUNG PHÁP
Giáo Sư Ngôn Ngữ Học
Texas Woman's University

PHỤ LỤC

(14 bài thơ của Lý Bạch)

將進酒

君不見
黃河之水天上來
奔流到海不復回
君不見
高堂明鏡悲白髮
朝如青絲暮成雪
人生得意須盡歡
莫使金樽空對月
天生我材必有用
千金散盡還復來
烹羊宰牛且為樂
會須一飲三百杯
岑夫子
丹丘生
將進酒
君莫停
與君歌一曲
請君為我側耳聽
鐘鼓饌玉不足貴
但願長醉不願醒
古來聖賢皆寂寞
惟有飲者留其名
陳王昔時宴平樂
斗酒十千恣謔
主人何為言少錢
徑須沽取對君酌
五花馬
千金裘
呼兒將出換美酒
與爾同消萬古愁

送孟浩然之廣陵

故人西辭黃鶴樓
煙花三月下揚州
孤帆遠影碧空盡
惟見長江天際流

橫江詞 六首

其一

人道橫江好
儂道橫江惡
一風三日吹倒山
白浪高於瓦官閣

其二

海朝南去過尋陽
牛渚由來險馬當
橫江欲渡風波惡
一水牽愁萬里長

其三

橫江西望阻西秦
漢水東連揚子津
白浪如山那可渡
狂風愁殺峭帆人

其四

海神東過惡風迴
浪打天門石壁開
浙江八月何如此
濤似連山噴雪來

其五

橫江館前津吏迎
向余東指海雲生
郎今欲渡緣何事
如此風波不可行

其六

日暈天風霧不開
海鯨東蹙百川迴
驚波一起三山動
公無渡河歸去來

自遣

對酒不覺暝
落花盈我衣
醉起步溪月
鳥還人亦稀

贈孟浩然

吾愛孟夫子
風流天下聞
紅顏棄軒冕
白首臥松雲
醉月頻中聖
迷花不事君
高山安可仰
徒此挹清芬

早發白帝城

朝辭白帝彩雲間
千里江陵一日還
兩岸猿聲啼不盡
輕舟已過萬重山

玉階怨

玉階生白露
夜久侵羅襪
卻下水晶簾
玲瓏望秋月

聽蜀僧濬彈琴

蜀僧抱綠綺
西下峨眉峰
為我一揮手
如聽萬壑松
客心洗流水
餘響入霜鐘
不覺碧山暮
秋雲暗幾重

送孟浩然之廣陵

故人西辭黃鶴樓
煙花三月下揚州
孤帆遠影碧空盡
惟見長江天際流